TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀ VANG** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 67/2023/DS-ST
Ngày 22-9-2023
"*V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Duy Cửu
Bà Lê Thị Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Duy Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang:*** Ông Trương Công Hòa - Chức vụ: Kiểm sát Vên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 về Vệc *"Tranh chấp về thừa kế tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2023/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1991; ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1993; bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1997 và bà Nguyễn Thị Khánh V, sinh năm 2001. Cùng hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 5, thị trấn K, huyện Phước S, tỉnh Quảng N. Người đại diện theo ủy Quyền của các ông (bà) L, L, M, V: Bà Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn M, xã Tam P, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N và/hoặc bà Đặng Thị Kim T, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn Phước H, xã Hòa N, huyện Hòa V, TP.Đà Nẵng; cùng địa chỉ liên hệ: Thôn L, xã Hòa P, huyện Hòa V, TP.Đà Nẵng; bà D có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của L, L, M, V là ông Lê Thanh L; địa chỉ liên hệ: Thôn L, xã Hòa P, huyện Hòa V, TP.Đà Nẵng; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn C, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; có mặt

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1951; địa chỉ: Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; có mặt

3. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; có mặt

4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; có mặt

5. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

6. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn Cẩm T, xã Hòa P, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt..

7. Ông Đặng Văn M, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

8. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

9. Ông Đặng Văn D, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn P Hòa 2, xã Hòa Nh huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

10. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

11. Ông Đặng Văn C, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

12. Ông Đặng Anh K, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

13. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

14. Ông Nguyễn T2, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

15. Ông Nguyễn T3, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

16. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ 14A, phường T, quận Cẩm L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

17. Ông Nguyễn V, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

18. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

19. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 2, phường X, quận Cẩm L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

20. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt..

21. Ông Nguyễn K; địa chỉ: Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

22. Bà Võ Thị K; địa chỉ: Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và quá trình giải Quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Bích D trình bày:

Ông bà nội của các ông (bà) Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M và Nguyễn Thị Khánh V là cụ ông Nguyễn X (sinh năm 1908 - chết năm 1979) và cụ bà Phan Thị C (sinh năm 1918 - chết năm 2009). Cụ Phan Thị C có cha mẹ là cụ ông Phan Văn M (sinh năm 1862 - chết năm 1948) và cụ bà Nguyễn Thị X1 (sinh năm 1871 - chết năm 1952). Cụ C (tên gọi khác: Nguyễn Thị C) và cụ X sinh được 08 (tám) người con chung gồm:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1941 (đã chết năm 2021). Bà T có H là ông Đặng Văn S (đã chết) và 08 (tám) người con là: Đặng Thị H (sinh năm 1960), Đặng Văn T (sinh năm 1964), Đặng Văn M (sinh năm 1969), Đặng Thị H (sinh năm 1970), Đặng Văn D (sinh năm 1972), Đặng Văn T (sinh năm 1974), Đặng Văn C (sinh năm 1978) và Đặng Văn Đ (sinh năm 1964, chết năm 2015, ông Đ không có vợ H có 01 người con là ông Đặng Anh K, sinh năm 2002).

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1947.

3. Ông Nguyễn C, sinh năm 1948 (chết năm 1992). Ông C có 07 (bảy) người con là: Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1972), Nguyễn Thành (sinh năm 1977), Nguyễn T3 (sinh năm 1979), Nguyễn Thị T4 (sinh năm 1981), Nguyễn V (sinh năm 1985), Nguyễn Thị V (sinh năm 1986) và Nguyễn Thị C (sinh năm 1989).

4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1951.

5. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1955.

6, Ông Nguyễn C, sinh năm 1957.

7. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964.

8. Ông Nguyễn Văn X1, sinh năm 1969 (chết năm 2015). Ông X1 có chung sống với nhau như vợ cH với bà Lê Thị M từ năm 1990 nH không có đăng ký kết hôn và sinh ra được 04 (bốn) người con là: Nguyễn Hoàng L (sinh năm 1991), Nguyễn Hoàng L (sinh năm 1993), Nguyễn Thị Thanh M (sinh năm 1997) và Nguyễn Thị Khánh V (sinh năm 2001). Ngoài ra, ông X1 còn có 01 (một) người con riêng là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987.

Nguyên trước đây, ông Nguyễn X1 và mẹ là bà Phan Thị C có T lập được khối tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại xã Hòa N, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Đến ngày 05/3/1996 được UBND huyện Hòa Vang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số vào sổ 00344QSDĐ/84- QĐUB, đứng tên hộ bà Phan Thị C (H bị cấp sai tên thành Nguyễn Thị C) đối với nhà, đất thuộc thửa đất số 630 và số 628, tờ bản đồ số 24, diện tích 636m^2, loại đất thổ cư và thửa đất số 622, tờ bản đồ số 24 có diện tích 810m^2, loại đất màu; cùng tọa lạc tại thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng. Tại thời điểm này, trong hộ gia đình gồm có 03

người là bà C, ông X1 và một người con riêng của ông X1 là bà Nguyễn Thị H (lúc này mới 09 tuổi).

Trong quá trình sử dụng đất, thì ông X1 và bà C có chuyển nhượng cho một số hộ dân gần đó một phần đất màu có diện tích 426m^2. Diện tích đất màu còn lại là 384m^2.

Năm 2009 bà C chết, năm 2015 ông X1 chết, cả hai người đều không để lại di C. Nhà, đất mà hai người để lại đã bị ông Nguyễn C (bác ruột) tiếp quản, sử dụng mà không chịu phân Chia cho những người được hưởng di sản.

Các ông (bà) Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M và Nguyễn Thị Khánh V có nhu cầu về nhà ở cũng như cần nơi thờ cúng ông bà nên có yêu cầu ông Nguyễn C phân Chia phần tài sản riêng của cha trong khối tài sản chung với bà nội và phân Chia di sản thừa kế mà bà nội để lại, H ông C không đồng ý.

Các ông (bà) trên nhận thấy, toàn bộ nhà và đất Tại các thửa đất số 628, 630 và 622 cùng tờ bản đồ số 24, với tổng diện tích 1.020m^2 (bao gồm 636m^2 đất thổ cư và 384m^2 đất màu); cùng tọa lạc tại thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung của hộ gia đình, trong đó có cha là ông Nguyễn Văn X1. Đồng thời, một phần diện tích nhà và đất nêu trên là di sản thừa kế do bà nội là bà Phan Thị C chết để lại.

Nên các ông (bà) Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M và Nguyễn Thị Khánh V đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng giải Quyết những vấn đề sau:

1. Chia tài sản chung của hộ gia đình bà Phan Thị C đối với nhà và đất Tại các thửa đất số 628, 630 và 622 cùng tờ bản đồ số 24, với tổng diện tích 1.020m^2 (bao gồm 636m^2 đất thổ cư và 384m^2 đất màu); cùng tọa lạc tại thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng. Do ông Nguyễn Văn X1 chết nên các ông (bà) Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H được nhận nhà và đất, tương ứng với diện tích đất 510m^2 (bao gồm 318m^2 đất thổ cư và 192m^2 đất màu).

2. Chia di sản thừa kế của bà Phan Thị C để lại là ½ nhà và đất Tại các thửa đất số 628, 630 và 622 cùng tờ bản đồ số 24, có diện tích 510m^2 (bao gồm 318m^2 đất thổ cư và 192m^2 đất màu) theo phương thức Chia đều cho 08 người Tại hàng thừa kế thứ nhất. Do ông Nguyễn Văn X1 chết nên các ông (bà) Nguyễn Hoàng Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và bà Nguyễn Thị H được nhận 63,75m^2 (bao gồm 39,75m^2 đất thổ cư và 24m^2 đất màu) trong khối di sản.

- Ngày 15/8/2023 bà Nguyễn Thị Bích D là đại diện theo ủy Quyền của nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

+ Rút yêu cầu Chia tài sản chung của hộ gia đình bà Phan Thị C đối với thửa đất 622, tờ bản đồ số 24, diện tích 384m^2, tọa lại tại thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

+ Rút yêu cầu khởi kiện Chia di sản thừa kế của bà Phan Thị C để lại là thửa đất số 622, tờ bản đồ số 24, tọa lại tại thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Ngày 21/9/2023 bà Nguyễn Thị Bích D là đại diện theo ủy Quyền của nguyên đơn có đơn điều chỉnh yêu cầu khởi kiện và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

+ Nguyên đơn xác định toàn bộ thửa đất số 628 và 630, cùng tờ bản đồ số 24 và nhà cấp 4 diện tích 48,05m^2; T lạc tại thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng là di sản thừa kế do cụ Phan Thị C để lại.

+ Yêu cầu Chia di sản thừa kế là thửa đất số 628 và 630, cùng tờ bản đồ số 24 theo Q định của pháp luật cho 08 phần bằng nhau là những người Tại hàng thừa kế của cụ C, gồm các ông (bà): Nguyễn Thị T (chết 2021) nên các con của bà T là Đặng Thị H, Đặng Văn T, Đặng Văn M, Đặng Thị H Đặng Văn D, Đặng Văn T, Đặng Văn C và Đặng Văn Đ (sinh năm 1964, chết năm 2015, không có vợ nH có 01 người con là Đặng Anh KH, sinh năm 2002); Nguyễn Thị T; Nguyễn C (chết năm 1992) nên các con của ông C gồm Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thành Nguyễn T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn V, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị C; Nguyễn Thị N; Nguyễn Thị Q; Nguyễn C; Nguyễn Thị M; Nguyễn Văn X1 (chết năm 2015) nên các con ông X1 gồm Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H.

Ông (bà) Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H yêu cầu được nhận thửa đất số 630, tờ bản đồ số 24 có diện tích đo đạc thực tế là 472,06m^2, trên đất có nhà diện tích 48,05m^2 là di sản của cụ C để lại; nhà dưới có diện tích 30,25m^2, sân, chuồng gà, cùng cây trồng trên đất là tài sản của ông Nguyễn C và đồng ý thối trả tiền chênh Lch cho các kỷ phần thừa kế còn lại và thối trả tiền cho ông C.

Giao thửa đất số 628, tờ bản đồ số 24 có diện tích đo thực tế 138m^2, trên đất có nhà ông Nguyễn K và bà Võ Thị K xây dựng cho ông Nguyễn C, buộc ông C thối trả giá trị chênh Lch cho các đồng thừa kế còn lại.

Đồng ý lấy diện tích đất theo đo đạc thực tế để làm căn cứ phân Chia di sản thừa kế. Đồng ý với kết quả thẩm định giá, Xm xét thẩm định tại chỗ.

Về C phí Xm xét thẩm định tại chỗ, đo đạc bản đồ và thẩm định giá tài sản thì đề nghị giải Quyết theo Q định của pháp luật.

Án phí đề nghị giải Quyết theo pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn C trình bày:

Ông C xác định ông là bác ruột Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V, Nguyễn Thị H. Đối với Nguyễn Hoàng L là con riêng của bà Lê Thị M (Tại phiên tòa ông C xác định lại ông L là con ông X1). Ông là con ông Nguyễn X và bà Phan Thị C, cha mẹ ông có 10 người con, bao gồm: Ông (Nguyễn C), Nguyễn Văn X1 (chết 2015), Nguyễn C (chết năm 1992), Nguyễn Hường (chết lúc nhỏ, không vợ con), Nguyễn Thị T (chết năm 2021), Nguyễn Thị Cẩn (chết lúc nhỏ, không cH con), Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị M.

Về nguồn gốc các thửa đất 628, 630, 622; cùng tờ bản đồ số 24, với tổng diện tích 1.020m^2, đứng tên hộ gia đình bà Phan Thị C; tọa lạc tại thôn P Hòa 2, xã Hòa

N, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng là do ông nội là cụ Nguyễn Truyện và bà nội không rõ tên để lại cho ông X và bà C từ năm 1967. Ông Nguyễn X (chết 1978) và bà Phan Thị C (chết 2009) là người trực tiếp sử dụng các thửa đất này. Năm 1996 bà Phan Thị C được nhà nước cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 628, 630, 622.

Ông X và bà C chết không để lại di C. Từ năm 1995 ông đã không còn ở tại gia đình và vào Phước S, tỉnh Quảng Nam sinh sống. Ông X1 ở với bà C đến năm 20 tuổi thì lập gia đình tại P Hòa, Hòa N, sinh hại được một người con gái tên Nguyễn Thị H. Năm 1989 ông X1 ly hôn vợ và vào huyện Phước S, tỉnh Quảng Nam lập gia đình với bà Lê Thị M, sinh hại được 4 người con như trình bày ở trên. Các thửa đất 628, 630, 622 và nhà cấp 4 có diện tích 48,05m^2 là do ông X và bà C T lập nên đây là tài sản chung của 08 anh chị em ông.

Nay nguyên đơn khởi kiện xác định các thửa đất 628, 630, 622 là tài sản của hộ gia đình và Chia ½ giá trị nhà đất tại 03 thửa trên cho 08 đồng thừa kế thì ông không đồng ý.

Quá trình giải Quyết vụ án, nguyên đơn xin rút yêu cầu giải Quyết đối với thửa đất 622, tờ bản đồ số 24 và xin điều chỉnh lại yêu cầu xác định thửa đất 628 và 630, tờ bản đồ số 24 là di sản thừa kế của cụ C để lại thì ông đồng ý.

Về Chia thừa kế, ông đồng ý Chia đều cho các con của cụ C và cụ X.

Ông xin nhân hiện vật là thửa đất số 628, tờ bản đồ số 24, diện tích: 138m^2 giá trị 922.092.126 đồng, trên đất có nhà ở cấp 4 do con ông C là ông Nguyễn K và bà K xây dựng, giá trị công trình xây dựng nhà ở cấp 4 là: 202.303.200 đồng không tính nhà vào di sản của cụ C. Ông đồng ý thối trả lại giá trị chênh Lch so với giá trị kỷ phần được nhận cho 07 đồng thừa kế còn lại. Đối với nhà cấp 4 ông K và bà K xây dựng, ông với ông K và bà K tự giải Quyết không yêu cầu tòa án Xm xét.

Đối với thửa đất số 630, tờ bản đồ số 24, giá trị 2.679.978.032 đồng, trong đó giá trị đất ở 2.352.003.200 đồng, đất trồng cây hăng năm 327.974.832 đồng và giá trị công trình xây đựng Nhà thờ (nhà trên) 45.404.604 đồng thì đề nghị các đồng thừa kế mỗi người để lại một phần kỷ phần để đủ diện tích tách thửa theo Q định của địa phương là 120m^2 để làm nhà thờ cúng tổ tiên dòng họ. Diện tích còn lại thì được Chia đều cho 08 đồng thừa kế thành 08 kỷ phần. 07 đồng thừa kế còn lại trừ ông thỏa T1ận người nhận di sản bằng hiện vật và thối trả phần chênh Lch.

Trên đất ông C có xây dựng gồm nhà dưới có giá trị 45.379.200 đồng, Chái chuồng gà 962.500 đồng, Sân 2.500.000 đồng và trồng cây có giá trị 10.810.000 đồng nên khi Chia thừa kế thì đề nghị các đồng thừa kế trả lại giá trị này cho ông.

Về đo đạc bản đồ, Xm xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá ông không có ý kiến gì.

Tại đơn trình bày, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị M trình bày:

Cha mẹ bà là cụ ông Nguyễn X và cụ bà Phan Thị C sinh ra 10 người con chung, trong đó có 05 người đã chết bao gồm: Nguyễn Hường (chết từ nhỏ, không có vợ con), Nguyễn C (chết 1992), Nguyễn Văn X1 (chết 2015), Nguyễn Thị Cánh

(chết từ nhỏ, không có cH con), Nguyễn Thị T (chết 2021) và 05 người còn sống, bao gồm: Nguyễn C, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị M. Các anh chị em bà khi nhỏ đều ở với cha mẹ, lớn lên lập gia đình ở riêng và sinh sống ở nơi khác. Trong đó có em là Nguyễn Văn X1 thì vẫn còn ở với mẹ lâu dài, sau đó có thời gian đi làm ăn xa nH vẫn quay về lại sinh sống và chăm sóc cho mẹ. Ông X1 có 01 con riêng là Nguyễn Thị H, sau đó kết hôn với vợ là bà Lê Thị M có với nhau 04 con chung là L, L, M, V.

Cha mẹ bà hiện nay đều đã chết và khi chết không để lại di C. Tài sản cha mẹ sau khi chết để lại gồm có khối tài sản là nhà diện tích 48,05m^2 (nhà trên) và đất tại thửa số 630 diện tích 472m^2 và thửa 628 diện tích 138m^2, cùng tờ bản đồ số 24; đều tọa lạc tại thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Nhà, đất này nguyên thủy là được nhà nước cấp sổ cho gia đình bà vào năm 1996 do mẹ là Phan Thị C đại diện đứng tên và đưa vào quản lý, sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Ngoài ra, trên thửa đất số 630 ông C có trồng cây cối, nhà dưới và sân; tại thửa đất 628 con ông C là ông K xây dựng một nhà cấp 4.

Nay các cháu L, L, M, V khởi kiện Chia thừa kế nhà, đất do mẹ bà để lại, thì bà M thống nhất đề nghị Tòa án Chia đều khối di sản thừa kế mà mẹ là bà Phan Thị C để lại thành 08 phần bằng nhau cho Nguyễn C, Nguyễn Văn X1, Nguyễn C, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị M. Người nào đã chết thì Tòa án phân Chia cho con hợp pháp theo Q định của pháp luật.

Về phương án Chia thừa kế:

Bà M đồng ý giao thửa đất số 630, tờ bản đồ số 24, diện tích 472m^2; tọa lạc tại Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng giá trị đất 2.679.978.032 đồng và giá trị công trình xây dựng nhà cấp 4 (nhà trên) diện tích 48,05m^2 là 45.404.604 đồng là di sản thừa kế của cụ C cho các cháu bà là L, L, M, V và H. Đề nghị L, L, M, V và H thối trả giá trị bằng tiền cho các đồng thừa kế còn lại và giao các tài sản ông C đầu tư xây dựng trên thửa đất trên cho L, L, M, V và H, đề nghị L, L, M, V và H thối trả giá trị lại cho ông C.

Giao thửa đất số 628, tờ bản đồ số 24, diện tích: 138m^2, giá trị 922.092.126 đồng; tọa lạc tại Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (Trên đất có nhà ở cấp 4 do con ông C (ông Nguyễn K) xây dựng giá trị: 202.303.200 đồng không tính vào di sản) cho ông C quản lý sử dụng. Ông C phải thối trả lại giá trị chênh Lch cho các đồng thừa kế còn lại.

Đồng ý Vệc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn và đồng ý với tất cả ý kiến khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị Q trình bày: Các bà cùng thống nhất với ý kiến của đại diện theo ủy Quyền của nguyên đơn và bà Nguyễn thị M.

Ông Đặng Văn M trình bày: Ông M thống nhất với lời trình bày và ý kiến của các dì là các bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Q.

Về kết quả Xm xét thẩm định tại chỗ, đo đạc bản đồ, chứng thư thẩm định giá các đương sự hoàn toàn thống nhất và không có ý kiến gì thêm.

Về C phí Xm xét thẩm định tại chỗ, đo đạc bản đồ và thẩm định giá tài sản thì đề nghị giải Quyết theo Q định của pháp luật.

Đối với ngững người có Quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về Vệc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải Quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo và đúng Q định của pháp luật. Đối với những người vắng mặt, đây là phiên tòa lần hai đã được tòa án triệu tập hợp L nên Vệc vắng mặt được coi như từ bỏ Quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đại diện Vện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Q định tại các điều 609, 610, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 652, 654 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đối với Vệc sửa đổi bổ sung và rút một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải Quyết vụ án và tại phiên tòa không ảnh hưởng đến Vệc giải Quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông (bà) Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V đối với bị đơn ông Nguyễn C về Vệc "*Tranh chấp tài sản thừa kế*".

Đình chỉ phần yêu cầu xác định tài sản chung của hộ gia đình và đình chỉ yêu cầu Chia thửa đất số 622, tờ bản đồ số 24 của các ông (bà) Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V.

Xác định thửa đất 628, diện tích đo đạc là 138m^2, có giá trị 922.092.126 đồng và thửa đất số 630, diện tích đất 472m^2, có giá trị 2.679.978.032 đồng; tổng diện tích đất là 610m^2, cùng tờ bản đồ số 24; tổng giá trị hai thửa đất là 3.602.070.158 đồng và nhà trên đất (nhà cấp 4 – gọi là nhà trên hoặc nhà dùng vào Vêc thờ cúng) có giá trị 45.404.604 đồng; tổng giá trị nhà đất là 3.647.474.762 đồng là di sản thừa kế của cụ C để lại.

Xác định hàng thừa kế của cụ C gồm có 08 người (08 suất), Chia đều khối di sản cho các đồng thừa kế mỗi suất có một phần bằng nhau, cụ thể giá trị mỗi người được hưởng là 455.934.345 đồng.

Xác định nhà dưới có giá trị 45.379.200 đồng, chái chuồng gà có giá trị 962.500 đồng, sân có giá trị 2.500.000 đồng, cây trồng trên đất có giá trị 10.810.000 đồng nằm trên thửa đất số 630, tờ bản đồ số 24 là của ông C.

Xác định nhà cấp 4 trên thửa đất số 628, tờ bản đồ số 24, có giá trị 202.303.200 đồng là của ông Nguyễn K và bà Võ Thị K.

Chia thừa kế:

- Giao thửa đất số 630, tờ bản đồ số 24, diện tích đất 472m^2, giá trị 2.679.978.032 đồng và nhà diện tích 48,05m^2 (nhà trên – dùng để thờ) có giá trị 45.404.604 đồng; tổng giá trị nhà đất là 2.725.382.636 đồng cho các ông (bà)

Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H (con của ông Nguyễn Văn X1) trực tiếp quản lý, sử dụng.

Buộc các ông (bà) Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H thối trả giá trị chênh Lch cho các đồng thừa kế còn lại (06 suất) gồm các ông (bà) Nguyễn Thị T; Nguyễn Thị N; Nguyễn Thị Q; Nguyễn Thị M; Người thừa kế của bà Nguyễn Thị T (chết năm 2021) gồm các ông (bà) Đặng Thị H, Đặng Văn T, Đặng Văn M, Đặng Thị H, Đặng Văn D, Đặng Văn T, Đặng Văn C và Đặng Văn Đ (chết năm 2015) người thừa kế là ông Đặng Anh KH; Người thừa kế thế vị của ông Nguyễn C (chết năm 1992) gồm các ông (bà): Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thành, Nguyễn T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn V, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị C, mỗi suất là 378.241.381 đồng.

Giao nhà dưới có giá trị 45.379.200 đồng, chái chuồng gà có giá trị 962.500 đồng, sân có giá trị 2.500.000 đồng, cây trồng trên đất có giá trị 10.810.000 đồng nằm trên thửa đất số 630, tờ bản đồ số 24 cho ông (bà) Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H. Buộc các ông (bà) Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H thối trả giá trị tài sản cho ông C là 59.651.700 đồng.

- Giao thửa đất 628, tờ bản đồ số 24, diện tích đo đạc thực tế là 138m^2, có giá trị 922.092.126 đồng, trên đất có ngôi nhà cấp 4 của ông Nguyễn K và bà Võ Thị K (con ông Nguyễn C xây dựng, giá trị 202.303.200 đồng), diện tích 63,2m^2 cho ông Nguyễn C quản lý, sử dụng.

Buộc ông C có nghĩa vụ thối trả giá trị cho các đồng thừa kế còn lại (06 suất) gồm các ông (bà) Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị M; Người thừa kế của bà Nguyễn Thị T (chết năm 2021) gồm các ông (bà) Đặng Thị H, Đặng Văn T, Đặng Văn M, Đặng Thị H, Đặng Văn D, Đặng Văn T, Đặng Văn C và Đặng Văn Đ (chết năm 2015) người thừa kế là ông Đặng Anh KH; Người thừa kế thế vị của ông Nguyễn C (chết năm 1992) gồm các ông (bà): Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thành, Nguyễn T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn V, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị C, mỗi suất là 77.692.963 đồng.

Đối với nhà cấp 4 ông K và bà Kều xây dựng có diện tích 63,2m^2 giao cho ông C, ông K với bà K không có ý kiến gì và không có yêu cầu độc lập nên ông C với ông K, bà K tự giải Quyết với nhau. Nếu sau này không tự giải Quyết được, khi có yêu cầu thì giải Quyết bằng vụ án khác. Đối với diện tích đất tăng thêm 0,6m^2 tại thửa 630, tạm giao cho các ông (bà) Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng.

Các bên đương sự được Chia tài sản được Quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm Quyền để thực hiện Vệc đăng ký biến động sang tên theo Q định của pháp luật.

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

- Đề nghị Hội đồng xét xử giải Quyết về tiền tạm ứng án phí, án phí và C phí tố tụng theo Q định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông (bà) Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V khởi kiện ông Nguyễn C về Vệc "*Tranh chấp thừa kế tài sản*", bị đơn có địa chỉ Thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ Q định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thụ lý, giải Quyết vụ án là đúng thẩm Quyền.

[1.2] Tại phiên tòa, người có Quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm các ông (bà): Đặng Thị H, Đặng Văn T, Đặng Thị H, Đặng Văn D, Đặng Văn T, Đặng Văn C, Đặng Anh KH, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thành, Nguyễn T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn V, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Nguyễn K, Võ Thị K đã được triệu tập và thông báo hợp L nhưng vắng mặt. Nhưng đây phiên tòa được mở lại lần hai nên Quyền lợi của các đương sự đã được bảo đảm, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt của những người trên.

[1.3] Quá trình giải Quyết vụ án, nguyên đơn xin điều chỉnh và rút yêu cầu xác định thửa đất số 630 và 628, cùng tờ bản đồ số 24 là tài sản chung của hộ gia đình và xin rút yêu cầu Chia thửa đất 622, tờ bản đồ số 24; tọa lạc tại thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, TP.Đà Nẵng.

Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện xác định thửa đất số 630 và 628, cùng tờ bản đồ số 24 là tài sản chung của hồ gia đình và Chia thửa đất 622, tờ bản đồ số 24.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn xác định toàn bộ thửa đất số 628, diện tích đo đạc là 138m^2, có giá trị 922.092.126 đồng và thửa đất số 630, diện tích đất 472m^2, có giá trị 2.679.978.032 đồng và giá trị công trình xây dựng nhà cấp 4 (nhà trên) diện tích 48,05m^2 là 45.404.604 đồng, cùng tờ bản đồ số 24; tọa lạc tại thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, TP.Đà Nẵng là di sản thừa kế do cụ Phan Thị C để lại.

Yêu cầu Chia di sản thừa kế là thửa đất số 628 và 630, cùng tờ bản đồ số 24 theo quy định của pháp luật cho 08 phần (08 suất) bằng nhau là những người thuộc hàng thừa kế của cụ C, gồm các ông (bà): Nguyễn Thị T (chết 2021) nên các con của bà T là Đặng Thị H, Đặng Văn T, Đặng Văn M, Đặng Thị H Đặng Văn D, Đặng Văn T, Đặng Văn C và Đặng Văn Đ (sinh năm 1964, chết năm 2015, không có vợ nH có 01 người con là Đặng Anh K, sinh năm 2002) – 01 suất; Nguyễn Thị T (01 suất); Nguyễn C (chết năm 1992) nên hàng thừa kế thế vị gồm các con của ông C: Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thành Nguyễn T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn V, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị C (01 suất); Nguyễn Thị N (01 suất); Nguyễn Thị Q (01 suất);

Nguyễn C (01 suất); Nguyễn Thị M (01 suất); Nguyễn Văn X1 (chết năm 2015) nên các con ông X1 gồm Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H (01 suất).

Ông (bà) Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H yêu cầu được nhận thửa đất số 630, tờ bản đồ số 24, diện tích đo đạc thực tế là 472,6m^2, trên đất có nhà diện tích 48,05m^2 là di sản của cụ C để lại; nhà dưới có diện tích 30,25m^2, chuồng gà, sân, cùng cây trồng trên đất là tài sản của ông Nguyễn C. Đồng ý thối trả tiền chênh lệch cho các kỷ phần thừa kế còn lại và thối trả tiền cho ông C.

Giao thửa đất số 628, tờ bản đồ số 24, diện tích đo đạc thực tế 138m^2, trên đất có nhà ông Nguyễn K và bà Võ Thị K xây dựng cho ông Nguyễn C, buộc ông C thối trả giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế còn lại.

Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[1] Cụ Phan Thị C (sinh năm 1918 - chết năm 2009) tên gọi khác Phan Thị C hoặc Nguyễn Thị C có cha là cụ ông Nguyễn X (sinh năm 1908 - chết năm 1979), cha mẹ của cụ C là cụ ông Phan Văn M (sinh năm 1862 - chết năm 1948) và cụ bà Nguyễn Thị X1 (sinh năm 1871 - chết năm 1952). Cụ C và cụ X có 08 (tám) người con chung gồm:

1. Bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1941, chết năm 2021). Bà T có cha là ông Đặng Văn S (đã chết trước bà T) và 08 (tám) người con gồm: Đặng Thị H (sinh năm 1960), Đặng Văn T (sinh năm 1964), Đặng Văn M (sinh năm 1969), Đặng Thị H (sinh năm 1970), Đặng Văn D (sinh năm 1972), Đặng Văn T (sinh năm 1974), Đặng Văn C (sinh năm 1978) và Đặng Văn Đ (sinh năm 1964, chết năm 2015, không có vợ nhưng có 01 người con là ông Đặng Anh K, sinh năm 2002). Do bà T chết sau cụ C nên 08 người con của bà T là những người được hưởng phần thừa kế của bà T (01 suất).

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1947.

3. Ông Nguyễn C (sinh năm 1948, chết năm 1992). Ông C có 07 (bảy) người con gồm: Nguyễn Thị T1 (sinh năm 1972), Nguyễn Thành (sinh năm 1977), Nguyễn T3 (sinh năm 1979), Nguyễn Thị T4 (sinh năm 1981), Nguyễn V (sinh năm 1985), Nguyễn Thị V (sinh năm 1986) và Nguyễn Thị C (sinh năm 1989). Do ông C chết trước cụ C nên 07 người con của ông C là những người được hưởng phần thừa kế thế vị của ông C (01 suất).

4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1951.

5. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1955.

6. Ông Nguyễn C, sinh năm 1957.

7. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964.

8. Ông Nguyễn Văn X1 (sinh năm 1969, chết năm 2015). Ông X1 có chung sống với nhau như vợ chồng với bà Lê Thị M từ năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn và sinh ra được 04 (bốn) người con gồm: Nguyễn Hoàng L (sinh năm 1991), Nguyễn Hoàng L (sinh năm 1993), Nguyễn Thị Thanh M (sinh năm 1997) và Nguyễn Thị Khánh V (sinh năm 2001). Ngoài ra, ông X1 còn có 01 (một) người con

riêng là bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1987). Do ông X1 chết sau cụ C nên 05 người con của ông X1 là những người được hưởng phần thừa kế của ông X1 (01 suất).

Như vậy, hàng thừa kế của cụ C có 08 người (*gọi cách khác: 08 suất*), bao gồm các ông (bà): Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Nguyễn C, Nguyễn Thị M; các con bà Nguyễn Thị T gồm các ông (bà): Đặng Thị H, Đặng Văn T, Đặng Văn M, Đặng Thị H, Đặng Văn D, Đặng Văn T, Đặng Văn C và Đặng Văn Đ (chết năm 2015, không có vợ nhưng có 01 người con là ông Đặng Anh K); các con ông Nguyễn C gồm các ông (bà): Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thành, Nguyễn T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn V, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị C; các con ông Nguyễn Văn X1 gồm các ông (bà): Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và bà Nguyễn Thị H.

[2] Lúc còn sống cụ C có tạo lập được các thửa đất 628 diện tích 164m^2, thửa đất số 630 diện tích 472m^2; cùng tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng có kê khai 299/TTg, khai lại theo Nghị định 64/CP và đã được UBND huyện Hòa Vang cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất với số vào sổ 00344QSDĐ/84-QĐUB ngày 05/3/1996 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị C. Sau khi đo đạc thực tế thì thửa đất 628 còn lại diện tích 138m^2 (giảm 28m^2), thửa đất 630 diện tích 472,6m^2 (tăng 0,6m^2) với tổng diện tích 610,6m^2. Đương sự thống nhất với kết quả đo đạc thực tế và đồng ý lấy kết quả đo đạc thực tế làm căn cứ giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, đối với phần diện tích đất trồng cây tăng thêm 0,6m^2 tại thửa 630, Hội đồng xét xử không tính giá trị làm căn cứ để phân Chia thừa kế mà tạm giao cho bên nào được nhận hiện vật trực tiếp quản lý, sử dụng.

Theo kết quả chứng thư thẩm định giá xác định, thửa đất 628, diện tích đo đạc là 138m^2, có giá trị 922.092.126 đồng. Thửa đất số 630, diện tích đất 472m^2, có giá trị 2.679.978.032 đồng; tổng diện tích đất là 610m^2, cùng tờ bản đồ số 24, tổng giá trị hai thửa đất là 3.602.070.158 đồng. Giá trị nhà trên đất diện tích 48,05m^2 (nhà cấp 4 – gọi là nhà trên hoặc nhà dùng vào Vệc thờ cúng) 45.404.604 đồng. Tổng giá trị nhà và đất là 3.647.474.762 đồng. Cụ C chết không để lại di C. Như vậy, có căn cứ xác định di sản thừa kế của cụ C để lại là thửa đất 628, diện tích 138m^2; thửa đất 630, diện tích 472m^2; tổng diện tích 610m^2 và nhà diện tích 48,05m^2 tại thửa đất 630 (nhà cấp 4 – gọi là nhà trên hoặc nhà dùng vào Vệc thờ cúng); nhà và đất có tổng giá trị là 3.647.474.762 đồng. Do di sản của cụ C để lại chưa Chia nên các ông (bà) Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V là người thừa kế của ông X1 yêu cầu Chia di sản thừa kế của cụ C để lại cho 08 đồng thừa kế, mỗi phần bằng nhau là có căn cứ.

[3] Chia di sản thừa kế của cụ C như sau:

[3.1] Tổng giá trị di sản thừa kế của cụ C để lại là 3.647.474.762 đồng : 8 phần = 455.934.345 đồng. Như vậy, mỗi kỹ phần (mỗi suất) được hưởng với giá trị 455.934.345đ (bốn trăm năm mươi lăm triệu, C trăm ba tư ngàn, ba trăm bốn lăm đồng).

[3.2] Hiện thửa đất số 630, tờ bản đồ số 24, diện tích 472m^2 có mặt tiền là song và chỉ có một đường vào duy nhất; thửa đất số 628, tờ bản đồ số 24 không đủ diện

tích để tách thửa theo Q định của UBND thành phố Đà Nẵng nên Hội đồng xét xử không thể tách thửa đất để Chia cho các đồng thừa kế bằng hiện vật được.

Các đồng thừa kế của cụ C gồm bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn C và ông Đặng Văn M con bà T đồng ý giao thửa đất số 630, tờ bản đồ số 24, diện tích đất 472m^2, giá trị 2.679.978.032 đồng và nhà (nhà trên – dùng để thờ) có diện tích 48,05m^2, giá trị 45.404.604 đồng; tổng giá trị nhà đất là 2.725.382.636 đồng cho các ông (bà) Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H là con của ông Nguyễn Văn X1 trực tiếp quản lý, sử dụng. Các ông (bà) L, L, M, V, H đồng ý nhận nhà, đất và đồng ý thối trả giá trị chênh Lch cho các đồng thừa kế của cụ C nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể:

Giao diện tích đất 472m^2, giá trị 2.679.978.032 đồng và nhà (nhà trên – dùng để thờ), diện tích 48,05m^2, có giá trị 45.404.604 đồng; tổng giá trị nhà đất là 2.725.382.636 đồng nằm tại thửa đất số 630, tờ bản đồ số 24, cho các ông (bà) Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H trực tiếp quản lý, sử dụng.

Các ông (bà) L, L, M, V và H có nghĩa vụ thối trả giá trị chênh Lch cho các đồng thừa kế còn lại (06 suất) gồm các ông (bà): Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị M; Người thừa kế của bà Nguyễn Thị T (chết năm 2021) gồm các ông (bà) Đặng Thị H, Đặng Văn T, Đặng Văn M, Đặng Thị H, Đặng Văn D, Đặng Văn T, Đặng Văn C và Đặng Văn Đ (chết năm 2015) người thừa kế là ông Đặng Anh KH; Người thừa kế thế vị của ông Nguyễn C (chết năm 1992) gồm các ông (bà): Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thành, Nguyễn T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn V, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị C, mỗi suất là 378.241.381 đồng.

[3.3] Đối với thửa đất 628, tờ bản đồ số 24, diện tích đo đạc là 138m^2, trên đất có ngôi nhà cấp 4 diện tích xây dựng 63,2m^2 do ông Nguyễn K và bà Võ Thị K (con ông Nguyễn C xây dựng, giá trị 202.303.200 đồng). Các đồng thừa kế của cụ C gồm bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị M, ông Đặng Văn M con bà T và đồng thừa kế của ông X1 gồm các ông (bà) Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H đồng ý giao cho ông Nguyễn C quản lý, sử dụng. Ông C đồng ý nhận nhà đất và đồng ý thối trả giá trị chênh Lch cho các đồng thừa kế của cụ C, đối với nhà trên đất ông C và con ông C tự giải Quyết nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể như sau:

Giao diện tích đất đo đạc thực tế là 138m^2, có giá trị 922.092.126 đồng, trên đất có ngôi nhà cấp 4 của ông Nguyễn K và bà Võ Thị K (con ông Nguyễn C xây dựng, giá trị 202.303.200 đồng), nằm tại thửa đất số 628, tờ bản đồ số 24, cho ông Nguyễn C quản lý, sử dụng.

Ông C có nghĩa vụ thối trả giá trị chênh Lch cho các đồng thừa kế còn lại (06 suất) gồm các ông (bà): Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị M; Người thừa kế của bà Nguyễn Thị T (chết năm 2021) gồm các ông (bà) Đặng Thị H, Đặng Văn T, Đặng Văn M, Đặng Thị H, Đặng Văn D, Đặng Văn T, Đặng Văn C và Đặng Văn Đ (chết năm 2015) người thừa kế là ông Đặng Anh KH; Người thừa kế thế vị của ông Nguyễn C (chết năm 1992) gồm các ông (bà): Nguyễn Thị

T1, Nguyễn Thành, Nguyễn T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn V, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị C, mỗi suất là 77.692.963 đồng.

[3.4] Các tài sản gồm nhà dưới có giá trị 45.379.200 đồng, chái chuồng gà có giá trị 962.500 đồng, sân có giá trị 2.500.000 đồng, cây trồng trên đất có giá trị 10.810.000 đồng nằm trên thửa đất số 630, tờ bản đồ số 24; có tổng giá trị là 59.651.700 đồng. Các ông (bà): Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Q, Nguyễn Thị M, Nguyễn C, Đặng Văn M con bà T và đồng thừa kế của ông X1 gồm các ông (bà): Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H xác định là do ông C xây dựng và trồng. Các ông (bà): Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H đồng ý nhận tất cả nhà đất tại thửa 630, tờ bản đồ số 24 và đồng ý thối trả giá trị lại cho ông C nên chấp nhận. Buộc ông (bà) Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H thối trả giá trị cho ông C với số tiền 59.651.700 đồng.

[3.5] Đối với nhà cấp 4 diện tích xây dựng 63,2m^2 của ông Nguyễn K và bà Võ Thị K – con ông C nằm trên thửa đất 628. Quá trình giải Quyết vụ án cho đến hiện nay, không có ý kiến gì và không có yêu cầu độc lập nên ông C với ông K, bà K tự giải Quyết với nhau. Nếu sau này không tự giải Quyết được, khi có yêu cầu thì giải Quyết bằng vụ án khác nên Hội đồng xét xử không Xm xét.

Các bên đương sự được Chia tài sản được Quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm Quyền để thực hiện Vệc đăng ký biến động sang tên theo Q định của pháp luật.

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

[3.6] Đối với diện tích đất tăng thêm 0,6m^2 nằm tại thửa 630, tờ bản đồ số 24. Tiếp tục tạm giao cho các ông (bà): Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng và liên hệ với cơ quan nhà nước để đăng ký biến động tăng thêm theo Q định của pháp luật.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Vện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về C phí tố tụng: C phí Xm xét thẩm định tại chỗ 3.100.000 đồng, C phí thẩm định giá tài sản là 25.000.000 đồng, C phí đo đạc bản đồ 6.672.756 đồng; tổng tiền C phí tố tụng là 34.772.756 đồng. Do 08 (tám) đồng thừa kế của cụ C được hưởng phần bằng nhau nên phải chịu C phí tố tụng ngang nhau là 4.346.594 đồng. Do các ông (bà): Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V đã nộp và C xong, nên 07 đồng thừa kế của cụ C có nghĩa vụ trả lại cho các ông (bà): Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V, mỗi suất thừa kế là 4.346.594 đồng. Đối với bà Nguyễn Thị H, các ông (bà) Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V xin nhận nộp tiền tạm ứng C phí tố tụng nên được trừ phần các ông (bà) Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V đã nộp.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Q và Nguyễn Thị T là người chiao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí.

- Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí là 22.237.373 đồng.

- Buộc các ông (bà): Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H cùng chịu chung án phí là 22.237.373 đồng. NH được vào số tiền nộp tạm ứng án phí 22.875.000 đồng đã nộp theo biên lai T1 số 0004294 ngày 12/4/2022 của C cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Hoàn trả lại cho các ông (bà): Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V số tiền 637.627 đồng.

- Buộc các ông (bà): Đặng Thị H, Đặng Văn T, Đặng Văn M, Đặng Thị H, Đặng Văn D, Đặng Văn T, Đặng Văn C và ông Đặng Anh KH cùng chịu chung án phí là 22.237.373 đồng.

- Buộc các ông (bà): Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thành, Nguyễn T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn V, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị C cùng chịu chung án phí là 22.237.373 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 610, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 652, 654 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Q định về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

[1] Tuyên bố:

[1.1]. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng L, ông Nguyễn Hoàng L, bà Nguyễn Thị Thanh M, bà Nguyễn Thị Khánh V đối với bị đơn ông Nguyễn C về Vệc "*Tranh chấp tài sản thừa kế*".

[1.2]. Đình chỉ yêu cầu xác định thửa đất số 628 và thửa đất số 630, cùng tờ bản đồ số 24; tọa lạc tại thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng là tài sản chung của hộ gia đình và đình chỉ yêu cầu Chia thửa đất số 622, tờ bản đồ số 24; tọa lạc tại thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng.

[1.3]. Xác định thửa đất số 628, diện tích đo đạc là 138m^2, giá trị 922.092.126đ (C trăm hai mươi hai triệu, không trăm C hai ngàn, một trăm hai sáu đồng) và thửa đất số 630, diện tích đất 472m^2, giá trị 2.679.978.032đ (hai tỷ, sáu trăm bảy C triệu, C trăm bảy tám ngàn, không trăm ba hai đồng); tổng diện tích hai thửa đất là 610m^2, cùng tờ bản đồ số 24, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất với số vào sổ 00344QSDĐ/84-QĐUB do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 05/3/1996 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị C; tọa lạc tại thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng có giá trị 3.602.070.158đ (ba tỷ, sáu trăm lẻ hai triệu, không tám bảy mươi ngàn, một trăm năm tám đồng) và nhà (nhà trên – dùng để thờ), diện tích 48,05m^{2,}

giá trị 45.404.604đ (bốn mươi lăm triệu, bốn trăm lẽ bốn ngàn, sáu trăm lẽ bốn đồng) năm trên thửa đất 630; tổng giá trị nhà, đất là 3.647.474.762đ (ba tỷ, sáu trăm bốn bảy triệu, bốn trăm bảy bốn ngàn, bảy trăm sáu hai đồng) là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị C để lại.

[1.4]. Xác định hàng thừa kế của cụ C gồm có 08 người (*gọi cách khác: 08 suất*), bao gồm các ông (bà): Nguyễn Thị T (01 suất); Nguyễn Thị N (01 suất); Nguyễn Thị Q (01 suất); Nguyễn C (01 suất); Nguyễn Thị M (01 suất); các con bà Nguyễn Thị T gồm các ông (bà): Đặng Thị H, Đặng Văn T, Đặng Văn M, Đặng Thị H, Đặng Văn D, Đặng Văn T, Đặng Văn C và Đặng Anh K (01 suất); các con ông Nguyễn C gồm các ông (bà): Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thành, Nguyễn T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn V, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị C (01 suất); các con ông Nguyễn Văn X1 gồm các ông (bà): Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và bà Nguyễn Thị H (01 suất).

[1.5]. Chia đều khối di sản cho 08 suất thừa kế của cụ C, mối suất có một phần bằng nhau, mỗi suất được hưởng là 455.934.345đ (bốn trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm ba tư ngàn, ba trăm bốn lăm đồng).

[1.6]. Xác định nhà dưới có giá trị 45.379.200đ (bốn lăm triệu, ba trăm bảy C ngàn, hai trăm đồng), chái chuồng gà có giá trị 962.500đ (C trăm sáu hai ngàn, năm trăm đồng), sân có giá trị 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng), cây trồng trên đất có giá trị 10.810.000đ (mười triệu, tám trăm mười ngàn đồng) năm trên thửa đất số 630, tờ bản đồ số 24 là do ông C trồng và xây dựng; tổng giá trị là 59.651.700đ (năm chín triệu, sáu trăm năm mốt ngàn, bảy trăm đồng).

[1.7]. Xác định nhà ngôi nhà cấp 4 có diện tích xây dựng 63,2m^2, giá trị 202.303.200 đồng) là của ông Nguyễn K và bà Võ Thị K (con ông Nguyễn C).

[2] Tuyên xử:

Chia thừa kế của cụ Nguyễn Thị C như sau:

[2.1]. Giao diện tích đất 472m^2, giá trị 2.679.978.032đ (hai tỷ, sáu trăm bảy chín triệu, chín trăm bảy tám ngàn, không trăm ba hai đồng) và nhà (gọi cách khác: Nhà trên), diện tích 48,05m^2, có giá trị 45.404.604đ (bốn mươi lăm triệu, bốn trăm lẽ bốn ngàn, sáu trăm lẽ bốn đồng) nằm tại thửa đất số 630, tờ bản đồ số 24, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số vào sổ 00344QSDĐ/84-QĐUB do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 05/3/1996 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị C; tọa lạc tại thôn P Hòa 2, xã Hòa N, huyện Hòa V, TP. Đà Nẵng; tổng giá trị nhà, đất là 2.725.382.636đ (hai tỷ, bảy trăm hai lăm triệu, ba trăm tám hai ngàn, sáu trăm ba sáu đồng) cho các ông (bà): Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H trực tiếp quản lý, sử dụng.

Tạm giao 0,6m^2 đất tăng thêm nằm tại thửa 630, tờ bản đồ số 24 cho các ông (bà): Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng theo chính sách pháp luật đất đai của nhà nước.

Có tứ cận đất như sau:

Đông giáp thửa đất 628 và nhà bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thành dài 1,01m, 8,85m, 0,01m, 12,18m và 5,37m.

Tây giáp sông Túy Loan, dài 16,06m

Nam giáp đất ông Nguyễn Viết Nhân, dài 9,20m, 16,29m

Bắc giáp đất ông Đồng Đắc Trung, thửa 628 và nhà đất ông Nguyễn Mạnh, dài 3,10m và 14,54m.

Buộc các ông (bà) L, L, M, V và H có nghĩa vụ thối trả giá trị chênh Lch cho các đồng thừa kế còn lại (06 suất) gồm các ông (bà): Nguyễn Thị T (01 suất); Nguyễn Thị N (01 suất); Nguyễn Thị Q (01 suất); Nguyễn Thị M (01 suất); Người thừa kế của bà Nguyễn Thị T (chết năm 2021) gồm các ông (bà): Đặng Thị H, Đặng Văn T, Đặng Văn M, Đặng Thị H, Đặng Văn D, Đặng Văn T, Đặng Văn C và Đặng Văn Đ (chết năm 2015) người thừa kế là ông Đặng Anh KH (01 suất); Người thừa kế thế vị của ông Nguyễn C (chết năm 1992) gồm các ông (bà): Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thành, Nguyễn T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn V, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị C (01 suất), mỗi suất là 378.241.381đ (ba trăm bảy tám triệu, hai trăm bốn mốt ngàn, ba trăm tám mốt ngàn đồng).

[2.2]. Giao nhà dưới có giá trị 45.379.200đ (bốn lăm triệu, ba trăm bảy C ngàn, hai trăm đồng), chái chuồng gà có giá trị 962.500đ (C trăm sáu hai ngàn, năm trăm đồng), sân có giá trị 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng), cây trồng trên đất có giá trị 10.810.000đ (M triệu, tám trăm M ngàn đồng) nằm trên thửa đất số 630, tờ bản đồ số 24; có tổng giá trị là 59.651.700 đồng cho các ông (bà): Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H trực tiếp quản lý, sử dụng

Buộc các ông (bà): Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H cùng thối trả giá trị cho ông Nguyễn C với số tiền 59.651.700đ (năm C triệu, sáu trăm năm mốt ngàn, bảy trăm đồng).

[2.3]. Giao diện tích đất đo đạc thực tế là 138m^2, giá trị 922.092.126đ (C trăm hai mươi hai triệu, không trăm C hai ngàn, một trăm hai sáu đồng), trên đất có ngôi nhà cấp 4 của ông Nguyễn K và bà Võ Thị K (con ông Nguyễn C xây dựng, giá trị 202.303.200 đồng), nằm tại thửa đất số 628, tờ bản đồ số 24, cho ông Nguyễn C quản lý, sử dụng, có tứ cận như sau:

Đông giáp đường đất, dài 2,99m và 4,69m

Tây giáp thửa đất 630, dài 1,01m và 8,85m

Nam giáp thửa đất 630 và nhà ông Nguyễn Thành, dài 310m, 9,77m và 3,71m.

Bắc giáp đất ông Đồng Đắc Trung và nhà đất ông Nguyễn Mạnh, dài 7,67m và 11,70m.

Buộc ông Nguyễn C có nghĩa vụ thối trả giá trị chênh Lch cho các đồng thừa kế còn lại (06 suất) gồm các ông (bà): Nguyễn Thị T (01 suất); Nguyễn Thị N (01 suất); Nguyễn Thị Q (01 suất); Nguyễn Thị M (01 suất); Người thừa kế của bà Nguyễn Thị T (chết năm 2021) gồm các ông (bà) Đặng Thị H, Đặng Văn T, Đặng Văn M, Đặng Thị H, Đặng Văn D, Đặng Văn T, Đặng Văn C và Đặng Văn Đ (chết năm 2015) người thừa kế là ông Đặng Anh KH (01 suất); Người thừa kế thế vị của

ông Nguyễn C (chết năm 1992) gồm các ông (bà): Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thành, Nguyễn T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn V, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị C (01 suất), mỗi suất là 77.692.963đ (bảy mươi bảy triệu, sáu trăm chín hai ngàn, chín trăm sáu ba đồng).

(Có sơ đồ kèm theo bản án)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

[2.4]. Đối với nhà cấp 4 diện tích xây dựng 63,2m^2 của ông Nguyễn K và bà Võ Thị K – con ông C nằm trên thửa đất 628 đã giao cho ông C. Ông K với bà K không có ý kiến gì và không có yêu cầu độc lập nên ông C với ông K và bà K tự giải quyết với nhau. Nếu không tự giải quyết được, nếu sau này có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác.

[2.5]. Các đương sự được giao quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản trên đất có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, tài sản trên đất theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người đang nắm giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số vào sổ 00344QSDĐ/84-QĐUB do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 05/3/1996 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị C không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người được giao quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản trên đất đi làm thủ tục sang tên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì người được giao quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản trên đất được quyền tự liên hệ với cơ quan nhà nước để được sang tên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[2.6]. Về chi phí tố tụng:

C phí Xm xét thẩm định tại chỗ 3.100.000 đồng, C phí thẩm định giá tài sản là 25.000.000 đồng, chi phí đo đạc bản đồ 6.672.756 đồng; tổng tiền chi phí tố tụng là 34.772.756 đồng.

Buộc các ông (bà): Nguyễn Thị T (01 suất); Nguyễn Thị N (01 suất); Nguyễn Thị Q (01 suất); Nguyễn C (01 suất); Nguyễn Thị M (01 suất); các con bà Nguyễn Thị T gồm các ông (bà): Đặng Thị H, Đặng Văn T, Đặng Văn M, Đặng Thị H, Đặng Văn D, Đặng Văn T, Đặng Văn C và Đặng Anh KH (01 suất); các con ông Nguyễn C gồm các ông (bà): Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thành, Nguyễn T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn V, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị C (01 suất), mỗi suất thừa kế trả lại số tiền 4.346.594 đồng cho các ông (bà): Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V.

[2.7] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Q và Nguyễn Thị T là người chiao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí.

- Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí là 22.237.373 đồng.

- Buộc các ông (bà): Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V và Nguyễn Thị H cùng chịu chung án phí là 22.237.373 đồng. Nhưng được vào số tiền nộp tạm ứng án phí 22.875.000 đồng đã nộp theo biên lai T1 số 0004294 ngày 12/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Hoàn trả lại cho các ông (bà): Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Thị Thanh M, Nguyễn Thị Khánh V số tiền 637.627 đồng.

- Buộc các ông (bà): Đặng Thị H, Đặng Văn T, Đặng Văn M, Đặng Thị H, Đặng Văn D, Đặng Văn T, Đặng Văn C và ông Đặng Anh K cùng chịu chung án phí là 22.237.373 đồng.

- Buộc các ông (bà): Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thành, Nguyễn T3, Nguyễn Thị T4, Nguyễn V, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị C cùng chịu chung án phí là 22.237.373 đồng.

[2.8] Về kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

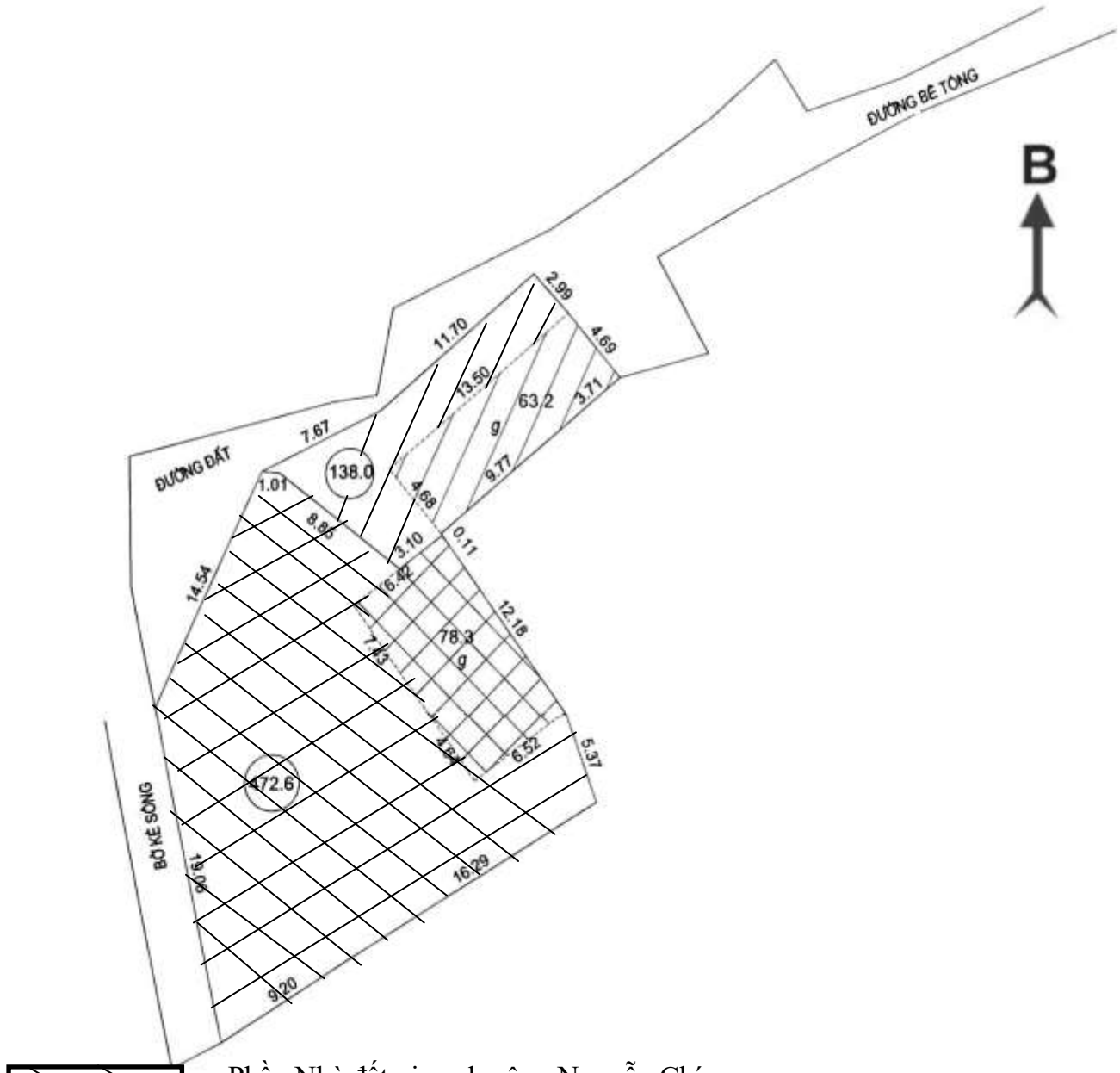
Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- C cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ THỬA ĐẤT SỐ 628, 630, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 24 (64/CP THEO GCN – NAY LÀ TỜ 48), THÔN PHÚ HÒA 2, X. HÒA NHƠN, H. HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG

(đính kèm bản án dân sự sơ thẩm số 67/2023/DS – ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng)



Phần Nhà đất giao cho ông Nguyễn Chín

Phần Nhà đất giao cho các ông/bà Nguyễn Hoàng Linh, Nguyễn Hoàng Long, Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Thị Khánh Vi và Nguyễn Thị Huyền.